

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh
Ông Nguyễn Quang Kiên
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Đoàn Văn Thu
Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Quang Dũng
Ông Nguyễn Văn Lăng
Bà Nguyễn Thanh Huyền

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Vũ Hồng Khánh
Ông Phạm Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2012

Số: 223 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến vấn đề sau: Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 19 tháng 8 năm 2011, Tổng Cục thuế đã ban hành Công văn số 2924/TCT-PC về việc "Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu từ giai đoạn năm 2004 - 2006". Công văn này có thể ảnh hưởng đến các khoản ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán lần đầu mà Công ty đã kê khai trong năm 2009 và 2010. Hiện tại, Công ty đang làm việc với các quan Nhà nước có thẩm quyền để xác định rõ Công ty có thuộc đối tượng điều chỉnh của công văn trên hay không.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		489.188.639.937	467.992.688.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	38.383.604.947	45.472.547.085
1. Tiền	111		38.383.604.947	45.472.547.085
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.457.241.400	6.627.917.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.497.064.426	20.377.064.426
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.039.823.026)	(13.749.146.626)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.878.612.594	333.758.897.600
1. Phải thu khách hàng	131		99.217.662.035	100.837.052.138
2. Trả trước cho người bán	132		26.924.884.906	12.498.607.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	247.407.152.866	223.290.293.970
4. Các khoản phải thu khác	135	7	6.154.856.992	7.039.621.111
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.825.944.205)	(9.906.676.746)
IV. Hàng tồn kho	140	8	63.899.777.526	78.474.074.948
1. Hàng tồn kho	141		66.552.144.850	78.474.074.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.652.367.324)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.569.403.470	3.659.250.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.225.689.832	725.650.664
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.311.183.570	2.561.252.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	340.058.888
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.530.068	32.289.090
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		492.655.219.373	496.647.932.781
I. Tài sản cố định	220		248.434.526.217	256.439.423.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	218.517.465.696	184.608.574.666
- Nguyên giá	222		306.835.895.432	262.860.559.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.318.429.736)	(78.251.984.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.682.658.122	7.077.156.120
- Nguyên giá	228		10.065.532.368	10.065.532.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.382.874.246)	(2.988.376.248)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	23.234.402.399	64.753.692.530
II. Bất động sản đầu tư	240	12	17.174.870.788	17.357.184.016
- Nguyên giá	241		18.578.406.397	18.578.406.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.403.535.609)	(1.221.222.381)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127.900.744.548	129.247.081.712
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	121.987.708.826	121.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	2.894.775.977	6.215.250.557
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.981.740.255)	(3.955.877.671)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		99.145.077.820	93.604.243.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	98.742.577.820	93.604.243.737
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		402.500.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		981.843.859.310	964.640.620.991

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEXTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		407.043.183.797	396.523.512.519
I. Nợ ngắn hạn	310		374.844.332.845	365.480.111.198
1. Vay ngắn hạn	311	17	157.524.724.296	125.089.303.377
2. Phải trả người bán	312		125.436.671.075	160.203.742.739
3. Người mua trả tiền trước	313		3.828.668.902	2.192.472.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	10.326.181.481	9.193.501.338
5. Phải trả người lao động	315		7.780.563.909	13.655.725.357
6. Chi phí phải trả	316		29.844.712.935	23.593.912.940
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	37.110.905.709	29.543.030.421
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.991.904.538	2.008.422.242
II. Nợ dài hạn	330		32.198.850.952	31.043.401.321
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	31.181.896.804	29.930.070.650
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		445.911.648	594.848.171
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		571.042.500	518.482.500
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		574.800.675.513	568.117.108.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	574.800.675.513	568.117.108.472
1. Vốn điều lệ	411		344.466.990.000	344.466.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.180.770.000	76.180.770.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		106.096.040.872	105.650.833.010
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.157.000.000	12.257.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.949.574.641	29.611.215.462
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		981.843.859.310	964.640.620.991

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị	30/6/2012	31/12/2011
Hàng hóa nhận ký gửi	786.740.000	216.392.000

Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.394.719.289.830	1.280.417.181.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		353.950.643	293.154.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	1.394.365.339.187	1.280.124.026.673
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	1.290.250.529.980	1.186.484.183.727
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.114.809.207	93.639.842.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	22.441.981.402	29.679.215.437
7. Chi phí tài chính	22	25	9.474.393.593	46.713.405.951
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.057.481.914	5.859.980.895
8. Chi phí bán hàng	24		62.763.616.781	57.949.522.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.903.631.132	15.413.286.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		37.415.149.103	3.242.843.659
11. Thu nhập khác	31		456.300.535	5.072.145.660
12. Chi phí khác	32	26	1.510.672.353	1.409.971.149
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.054.371.818)	3.662.174.511
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.360.777.285	6.905.018.170
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.813.702.644	-
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(402.500.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		34.949.574.641	6.905.018.170



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.360.777.285	6.905.018.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.066.303.944	9.367.569.641
Các khoản dự phòng	03	(3.111.826.233)	7.413.961.870
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	362.553.942	112.760.096
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(22.080.248.909)	(29.679.215.437)
Chi phí lãi vay	06	9.057.481.914	5.859.980.895
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.655.041.943	(19.924.765)
Biến động các khoản phải thu	09	(34.010.429.520)	(8.322.530.287)
Biến động hàng tồn kho	10	11.921.930.098	(11.662.010.426)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(28.467.175.072)	(46.819.975.764)
Biến động chi phí trả trước	12	(6.638.373.251)	(961.871.254)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.242.189.491)	(5.812.400.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(336.975.498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.206.987.688	3.297.747.355
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(664.808.642)	(6.916.323.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(34.239.016.247)	(77.554.264.100)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.500.008.906)	(17.988.463.461)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	71.468.767	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.715.296.571	32.524.749.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.286.756.432	14.536.286.440

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	751.903.008.736	503.656.388.513
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(719.830.141.759)	(563.328.836.315)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.209.549.300)	(6.123.326.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.863.317.677	(65.795.774.302)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(7.088.942.138)	(128.813.751.962)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.472.547.085	151.872.520.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	38.383.604.947	23.058.768.774

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 494.807.890 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011: 23.980.585.432 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài riêng chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 ngày 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 416 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 515 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty với báo cáo tài chính của Chi nhánh Gas Petrolimex Hà Nội và thực hiện bù trừ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả và doanh thu, giá vốn nội bộ giữa hai đơn vị này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu nội bộ ngắn hạn, phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính.

Tại ngày cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Công ty áp dụng tỷ giá bán ra bằng chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) để chuyển đổi các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán ra Đồng Việt Nam.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Kê khai ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi niêm yết chứng khoán lần đầu:

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần năm 2004 và được hưởng miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2004 và năm 2005; được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho ba năm tiếp theo là năm 2006, 2007 và năm 2008. Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tháng 11/2006 và tháng 01 năm 2007 đã đăng ký với cơ quan thuế địa phương để áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2009 và 2010 đối với doanh nghiệp niêm yết lần đầu theo nội dung hướng dẫn của các văn bản sau:

- Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc: Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán có quy định: “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, bãi bỏ Công văn số 11924 TC/CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5248/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức niêm yết chứng khoán, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán. Các tổ chức có chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán trước ngày 01 tháng 01 năm 2007 tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 11924 TC/CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5248/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 cho thời gian còn lại. Trường hợp tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán đang trong thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch được tính liên tục kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

- Công văn số 148/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổng cục thuế về việc: Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 - 2006 có quy định: *“Đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong thời gian miễn, giảm thuế TNDN theo Luật thuế TNDN đã xác định giảm 50% số thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 11924 TC/CST ngày 20/10/2004 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/9/2006 thì không xem xét xử lý lại”*.

Ngày 19 tháng 8 năm 2011, Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 2924/TCT-PC về việc *“Ưu đãi thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006”*, theo đó trường hợp các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn từ năm 2004-2006, kể từ năm đầu tiên niêm yết chứng khoán đến hết năm 2008 doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nhưng nếu đến năm 2008 doanh nghiệp vẫn chưa kê khai hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do có chứng khoán niêm yết lần đầu thì từ năm 2009 sẽ không được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do có chứng khoán niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004-2006.

Hiện tại, Công ty đang làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác định rõ Công ty có thuộc đối tượng điều chỉnh của Công văn trên hay không. Do vậy, vấn đề kê khai ưu đãi thuế khi niêm yết chứng khoán lần đầu này sẽ tùy thuộc vào kết luận cuối cùng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. TIỀN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.661.926.036	3.344.108.760
Tiền gửi ngân hàng	35.696.678.911	42.128.438.325
Tiền đang chuyển	25.000.000	-
	<u>38.383.604.947</u>	<u>45.472.547.085</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (**)	3.120.000.000	-
	<u>23.497.064.426</u>	<u>20.377.064.426</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(13.039.823.026)	(13.749.146.626)
	<u>10.457.241.400</u>	<u>6.627.917.800</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Công ty chủ trương nắm giữ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và sẽ bán trong tương lai gần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. KHOẢN PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	59.000.440.443	50.726.297.665
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	50.926.348.297	51.122.907.522
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	105.524.013.911	93.455.203.709
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	31.956.350.215	27.985.885.074
	247.407.152.866	223.290.293.970

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu cổ tức	223.002.000	-
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	-	3.266.171.697
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.289.090
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	2.922.706.159	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.009.148.833	3.771.160.324
	6.154.856.992	7.039.621.111

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	11.632.755.836	309.184.183
Nguyên liệu, vật liệu	3.016.593.862	2.643.531.900
Hàng hóa	51.902.795.152	75.521.358.865
Cộng	66.552.144.850	78.474.074.948
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.652.367.324)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	63.899.777.526	78.474.074.948

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	195.287.501.651	45.156.901.359	19.965.052.797	2.451.103.731	262.860.559.538
Mua sắm mới	43.717.683.839	331.699.818	50.074.000	274.441.364	44.373.899.021
Xây dựng cơ bản hoàn thành	150.992.126	-	-	-	150.992.126
Tăng khác	192.544.781	101.202.518	-	18.172.727	311.920.026
Thanh lý nhượng bán	-	-	(247.810.767)	(32.808.182)	(280.618.949)
Giảm khác	(580.856.330)	-	-	-	(580.856.330)
Tại ngày 30/6/2012	238.767.866.067	45.589.803.695	19.767.316.030	2.710.909.640	306.835.895.432

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2012	44.408.454.522	20.677.014.377	12.029.507.822	1.137.008.151	78.251.984.872
Khấu hao trong kỳ	7.381.569.735	2.115.767.278	809.954.784	182.200.921	10.489.492.718
Tăng khác	49.243.475	79.530.000	-	-	128.773.475
Thanh lý nhượng bán	-	-	(176.342.000)	(7.385.000)	(183.727.000)
Giảm khác	(285.684.329)	-	-	(82.410.000)	(368.094.329)
Tại ngày 30/6/2012	51.553.583.403	22.872.311.655	12.663.120.606	1.229.414.072	88.318.429.736

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2012	187.214.282.664	22.717.492.040	7.104.195.424	1.481.495.568	218.517.465.696
Tại ngày 31/12/2011	150.879.047.129	24.479.886.982	7.935.544.975	1.314.095.580	184.608.574.666

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 25.512.314.389 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.169.926.855 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.988.047.470	3.077.484.898	10.065.532.368
Tại ngày 30/6/2012	6.988.047.470	3.077.484.898	10.065.532.368
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.005.754.014	1.982.622.234	2.988.376.248
Trích khấu hao trong kỳ	64.860.000	329.637.998	394.497.998
Tại ngày 30/6/2012	1.070.614.014	2.312.260.232	3.382.874.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	5.917.433.456	765.224.666	6.682.658.122
Tại ngày 31/12/2011	5.982.293.456	1.094.862.664	7.077.156.120

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ (*)	6.146.349.021	5.146.349.021
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	4.606.602.645	52.682.304.868
Tuyến ống nhập tàu kho gas Đình Vũ	4.570.548.261	4.296.819.889
Các công trình khác	7.910.902.472	2.628.218.752
	23.234.402.399	64.753.692.530

(*) Công trình cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ được kết chuyển sang tài sản cố định và bất động sản đầu tư theo giá trị tạm quyết toán từ năm 2011. Giá trị còn lại phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" là giá trị các hạng mục phát sinh sau khi Công ty đã tạm tăng tài sản và sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Xây lắp	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.002.574.013	218.648.368	1.221.222.381
Trích khấu hao trong kỳ	61.680.000	120.633.228	182.313.228
Tại ngày 30/6/2012	1.064.254.013	339.281.596	1.403.535.609
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	5.893.151.457	11.281.719.331	17.174.870.788
Tại ngày 31/12/2011	5.954.831.457	11.402.352.559	17.357.184.016

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

Vốn đầu tư tại các công ty con

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	11.487.708.826	11.487.708.826
	121.987.708.826	121.987.708.826

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	(371.740.255)	(497.159.682)
	4.628.259.745	4.502.840.318

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	284.775.977	485.250.557
	2.894.775.977	6.215.250.557
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(3.458.717.989)
	1.284.775.977	2.756.532.568

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	21.587.879.113	71.571.815.975	444.548.649	93.604.243.737
Tăng trong kỳ		10.421.124.260	1.742.995.900	12.164.120.160
Phân bổ vào chi phí	(306.234.966)	(5.008.091.108)	(1.711.460.003)	(7.025.786.077)
Tại ngày 30/6/2012	21.281.644.147	76.984.849.127	476.084.546	98.742.577.820

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	11.840.948.247	100.089.303.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	13.375.025.027	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	57.302.555.796	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	75.006.195.226	-
	<u>157.524.724.296</u>	<u>125.089.303.377</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2012/0000075 ngày 02 tháng 02 năm 2012 với mức dư nợ và mở thư tín dụng tối đa là 200 tỷ đồng, gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa bằng đồng USD theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD-NH/PGC ngày 06 tháng 6 năm 2011. Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh, mở thư tín dụng tối đa là 95 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 120118/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 27 tháng 4 năm 2012 với hạn mức 230 tỷ đồng, gồm cả đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Trong đó, khoản vay bằng VND trị giá 16 tỷ với lãi suất 12,3%/năm, khoản vay gốc USD đang chịu lãi suất 5,7%/năm.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 48311057747309 ngày 15 tháng 8 năm 2011 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	8.233.336.090	6.760.951.894
Thuế xuất, nhập khẩu	379.264.795	1.413.092.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.473.643.756	-
Thuế thu nhập cá nhân	239.936.840	1.019.457.106
	<u>10.326.181.481</u>	<u>9.193.501.338</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả cổ tức	20.929.256.600	17.472.798.300
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.181.598.530	715.255.827
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	1.705.998.358	1.731.407.669
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Phải trả phải nộp khác	4.894.052.221	5.223.568.625
	37.110.905.709	29.543.030.421

(*) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về Công ty quản lý và được trình bày như một khoản phải trả khác.

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2012	Năm 2011
	đến 30/6/2012	
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	29.930.070.650	23.205.600.405
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	3.174.784.216	9.631.824.306
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(1.922.958.062)	(2.907.354.061)
Số dư cuối kỳ/năm	31.181.896.804	29.930.070.650

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
						VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	129.164.270.000	(49.700.000)	99.502.636.970	10.257.000.000	45.606.894.041	549.479.331.011
Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	29.611.215.462	29.611.215.462
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.136.982.300	2.000.000.000	(15.136.982.300)	(7.000.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	11.213.740	-	(3.741)	11.209.999
Tại ngày 31/12/2011	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	105.650.833.010	12.257.000.000	29.611.215.462	568.117.108.472
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	34.949.574.641	34.949.574.641
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	445.207.862	900.000.000	(8.945.207.862)	(7.600.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(20.666.007.600)	(20.666.007.600)
Tại ngày 30/6/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	106.096.040.872	13.157.000.000	34.949.574.641	574.800.675.513

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	180.389.840.000	180.389.840.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	164.077.150.000	164.077.150.000
	100,00%	344.466.990.000	344.466.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 là 6% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2011 phải trả là 20.666.007.600 đồng. Cổ tức dự định được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả của năm 2010 và năm 2011 hiện đang được theo dõi trên khoản mục “ Các khoản phải trả khác, phải nộp khác ngắn hạn”.

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 34.446.699 cổ phần (năm 2011: 34.446.699 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.388.679.281.431	1.275.411.668.148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.763.099.694	3.114.497.202
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	1.922.958.062	1.597.861.323
	1.394.365.339.187	1.280.124.026.673
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	905.940.600.250	871.302.234.698
Doanh thu với đối tượng khác	488.424.738.937	408.821.791.975
	1.394.365.339.187	1.280.124.026.673

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.286.921.954.383	1.186.082.431.405
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.328.575.597	401.752.322
	1.290.250.529.980	1.186.484.183.727
Trong đó		
Giá vốn nội bộ (giao dịch với các công ty con)	905.940.600.250	871.302.234.698
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	384.309.929.730	315.181.949.029
	1.290.250.529.980	1.186.484.183.727

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	311.386.750	1.032.483.342
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.626.911.821	22.511.152.566
Lãi chênh lệch tỷ giá	361.732.493	1.903.318.757
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.141.950.338	4.232.260.772
	22.441.981.402	29.679.215.437

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.057.481.914	5.859.980.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	663.818.481 (1.227.192.216)	28.022.792.978 6.842.324.219
Chi phí tài chính khác	980.285.414	5.988.307.859
	9.474.393.593	46.713.405.951

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Tiền phạt, bồi thường	191.556.968	-
Khác	1.319.115.385	1.409.971.149
	1.510.672.353	1.409.971.149

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	36.360.777.285
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	15.626.911.876
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	191.556.968
Trừ: Lỗ được chuyển trong kỳ	13.670.611.801
Thu nhập chịu thuế	7.254.810.576
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.813.702.644

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là số thuế tạm tính. Công ty sẽ xác định chính thức số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	38.383.604.947	45.472.547.085
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	92.391.717.830	90.930.375.392
Phải thu nội bộ ngắn hạn	247.407.152.866	223.290.293.970
Các khoản phải thu khác	3.232.150.833	7.039.621.111
Đầu tư ngắn hạn	10.457.241.400	6.627.917.800
Đầu tư dài hạn khác	1.284.775.977	2.756.532.568
Tổng cộng	393.156.643.853	376.117.287.926
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	157.524.724.296	125.089.303.377
Phải trả người bán	125.436.671.075	160.203.742.739
Chi phí phải trả	29.844.712.935	23.593.912.940
Phải trả khác	30.223.308.821	27.096.366.925
Tổng cộng	343.029.417.127	335.983.325.981

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Đô la Mỹ (USD)		Đồng tiền chung châu Âu (EURO)	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính				
Tiền	11.269.027	10.970.694	6.352.790	6.798.884
Tổng cộng	11.269.027	10.970.694	6.352.790	6.798.884
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	141.524.724.296	-	-	-
Phải trả người bán	47.481.850.317	318.520.616.893	-	-
Tổng cộng	189.006.574.613	318.520.616.893	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	157.524.724.296	-	157.524.724.296
Phải trả người bán	125.436.671.075	-	125.436.671.075
Chi phí phải trả	29.844.712.935	-	29.844.712.935
Phải trả ngắn hạn khác	30.223.308.821	-	30.223.308.821
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	125.089.303.377	-	125.089.303.377
Phải trả người bán	160.203.742.739	-	160.203.742.739
Chi phí phải trả	23.593.912.940	-	23.593.912.940
Phải trả ngắn hạn khác	27.096.366.925	-	27.096.366.925

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	38.383.604.947	-	38.383.604.947
Phải thu khách hàng	92.391.717.830	-	92.391.717.830
Phải thu nội bộ ngắn hạn	247.407.152.866	-	247.407.152.866
Các khoản phải thu khác	3.232.150.833	-	3.232.150.833
Đầu tư ngắn hạn	10.457.241.400	-	10.457.241.400
Đầu tư dài hạn khác	-	1.284.775.977	1.284.775.977
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	45.472.547.085	-	45.472.547.085
Phải thu khách hàng	90.930.375.392	-	90.930.375.392
Phải thu nội bộ ngắn hạn	223.290.293.970	-	223.290.293.970
Các khoản phải thu khác	7.039.621.111	-	7.039.621.111
Đầu tư ngắn hạn	6.627.917.800	-	6.627.917.800
Đầu tư dài hạn khác	-	2.756.532.568	2.756.532.568

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với việc so sánh số liệu kỳ này.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng